

KIỂM SOÁT CHẶT CHẼ NHỮNG VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG CỦA CÁC DỰ ÁN LẤN BIỂN

NGUYỄN SONG TÙNG

Tóm tắt: Hoạt động lấn biển đã và đang diễn ra ở nhiều nước trên thế giới cũng như ở Việt Nam, được xem là giải pháp phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh dân số gia tăng, các nguồn lực cho phát triển giảm, đặc biệt là quỹ đất ngày càng hạn hẹp. Tại Việt Nam, nhiều dự án lấn biển được thực hiện ở các tỉnh, thành phố ven biển. Lấn biển đã trở thành một hướng mở tích cực, hướng phát triển cần thiết cho tương lai. Tuy nhiên, hoạt động lấn biển cũng có nguy cơ tạo ra nhiều hệ lụy như: làm thay đổi điều kiện tự nhiên, địa hình, cảnh quan; thay đổi chế độ thủy động lực, thay đổi dòng chảy ven bờ; tác động đến hệ sinh thái, đa dạng sinh học và tài nguyên biển cũng như các vấn đề xã hội khác. Vì vậy, đảm bảo kiểm soát chặt chẽ những vấn đề môi trường là yêu cầu bắt buộc đối với các dự án lấn biển nhằm hướng tới sự phát triển bền vững.

Từ khóa: lấn biển, môi trường biển, tài nguyên biển, đa dạng sinh học, ô nhiễm môi trường

STRICT CONTROL REQUIREMENT FOR ENVIRONMENTAL PROBLEMS OF SEA ENCROACHMENT PROJECTS

Abstract: Sea encroachment has taken place in many countries around the world as well as in Viet Nam, which is considered as a solution for socio-economic development in the context of increasing population and decreasing resources for development, especially land is increasingly limited. In Viet Nam, many sea encroachment projects have been implemented in the coastal provinces and cities. Sea encroachment has provided a positive and useful development direction for the future. However, sea reclamation activities can create risks and consequences as they change many factors in the natural topography and landscapes. The hydrodynamic regime and the shore current can be altered, impacting on ecosystems, biodiversity and marine resources as well as other social issues. Therefore, to ensure sustainable developments, strict control of environmental issues should be a mandatory requirement for sea encroachment projects.

Keywords: encroachment, marine environment, marine resources, biodiversity, environmental pollution

1. Đặt vấn đề

Trên thế giới cũng như ở Việt Nam, hoạt động lấn biển có xu hướng gia tăng, nhất là các dự án lấn biển cho phát triển đô thị, cảng biển, du lịch... Nhiều dự án lấn biển đạt hiệu quả cao về kinh tế, xã hội, đảm bảo an toàn môi trường.

Tuy nhiên, hoạt động lấn biển nếu không được quản lý, kiểm soát tốt sẽ có tác động rất lớn đến môi trường, hệ sinh thái cả trước mắt và lâu dài. Lấn biển có thể làm thay đổi điều kiện tự nhiên, địa hình, cảnh quan, chế độ thủy động lực học của khu vực, đe dọa sinh thái môi trường, suy giảm đa dạng sinh học. Điều này đặt ra yêu cầu

phải tăng cường quản lý và kiểm soát chặt chẽ các dự án lấn biển.

“Không đánh đổi môi trường lấy kinh tế, gây ảnh hưởng cuộc sống của người dân” - đó là chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị môi trường toàn quốc (tháng 8/2016). Do đó, cần phải xem xét kỹ lưỡng, có trách nhiệm đối với các đề xuất lấn biển ở bất cứ địa phương nào. Mọi hoạt động gây mất cân bằng sinh thái đều phải được tính toán, nếu không sẽ gây thiệt hại nặng về kinh tế, xã hội, môi trường. Đồng thời cần có sự nhìn nhận nghiêm túc trên cơ sở khoa học, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai... các dự án lấn biển phải được xem xét thận trọng trên ba trụ cột cốt lõi là kinh tế, xã hội, môi trường để đảm bảo phát triển bền vững.

2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Các dữ liệu được sử dụng trong bài viết bao gồm các công trình khoa học đã được công bố và các báo cáo của các tổ chức trong và ngoài nước có nội dung liên quan.

Phương pháp chủ yếu được sử dụng là phương pháp tổng hợp và phân tích tư liệu. Trên cơ sở các tài liệu thu thập được, tác giả tiến hành tổng hợp, phân tích theo các vấn đề: (1) Kinh nghiệm quốc tế về bảo vệ môi trường của các dự án lấn biển; (2) Thực tiễn các dự án lấn biển tại Việt Nam và những tác động đến môi trường.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Kinh nghiệm bảo vệ môi trường của các dự án lấn biển trên thế giới

Trên thế giới đã có nhiều quốc gia thực hiện lấn biển, tiêu biểu có thể kể đến như: vùng cửa sông Zuiderzee của Hà Lan đã lấn biển với diện

tích 1650 km²; diện tích lấn biển tại vịnh Tokyo - Nhật Bản là 250 km²; Incheon - Hàn Quốc là 220 km²; vịnh San Francisco - Mỹ là 150 km²; Mumbai - Ấn Độ là 148 km²; Singapore là 145 km²; Macau lấn biển thêm 170% diện tích ban đầu (170 km²)... Theo kết quả của một số nghiên cứu, tính đến năm 2016, có 102 sân bay trên toàn thế giới được xây dựng trên mặt nước với một phần hoặc toàn phần là diện tích lấn biển [2].

Có nhiều bài học kinh nghiệm của các dự án lấn biển trên thế giới mà Việt Nam có thể tham khảo.

Hà Lan là quốc gia có lịch sử lấn biển lâu đời nhất (từ thế kỷ 14) xuất phát từ thực tế có đến trên 1/3 diện tích lãnh thổ nằm dưới mực nước biển trung bình, 65% diện tích nằm dưới mực nước triều cao. Khoảng 21% dân số Hà Lan hiện đang sinh sống trong những vùng đất thấp hơn mực nước biển. Phần lớn diện tích đất ở Hà Lan hiện nay đều là vùng đất lấn biển [2, 7]. Lịch sử của Hà Lan từ bao thế kỷ vẫn gắn liền với lịch sử chống lại lũ lụt và bồi đất lấn biển. Người Hà Lan đã nỗ lực dành đất từ biển và cải tạo đất bằng cách xây dựng những tuyến đê nhằm ngăn nước biển và tạo nên những vùng đất cao ráo có thể sinh sống và trồng trọt [1].

Đê biển Afsluitdijk đóng vai trò quyết định trong quy hoạch tổng thể điều phối thủy văn, chống lụt, rửa mặn và tưới tiêu lớn nhất Hà Lan trong thế kỷ 20. Ngoài việc là một đê bảo vệ Hà Lan, Afsluitdijk còn là một đường cao tốc nối Den Oever thuộc tỉnh Noord Holland với Zurich thuộc tỉnh Friesland. Tuy nhiên, các công trình đê biển đã tạo ra nhiều vấn đề mới, như: địa mạo lòng sông và nhiều khu vực sau các công trình bị biến đổi nhiều; các thay đổi về chế độ thủy văn, về chất lượng nước và về địa mạo dẫn đến

những biến đổi sâu sắc về sinh vật; làm mất sinh cảnh của các loại cá, các loại chim biển bản địa...

Để giải quyết tốt những vấn đề liên quan đến lấn biển, Hà Lan đã ban hành Luật Đê, đập và lấn biển từ năm 1904; Luật về an toàn đê đã được ban hành năm 1978; trước những thách thức của biến đổi khí hậu, Luật mới về an toàn đê đã được Nghị viện Hà Lan thông qua năm 1996. Theo đó, mỗi con đê và giồng cát, đặc biệt ở ven biển, phải được khảo sát 5 năm một lần theo các tiêu chuẩn được Chính phủ ban hành để đánh giá khả năng xảy ra các tình huống: chảy tràn và/hoặc mực nước cao hơn đỉnh đê; trượt đất ở mái trong và mái ngoài của đê; xói mòn của lớp phủ thân đê (cỏ, asphalt hoặc khối basalt) có thể dẫn đến đê bị vỡ; có mạch rò rỉ nước dưới chân đê và xói mòn thân đê từ bên trong [9].

Trung Quốc đứng đầu trong danh sách lấn biển để mở rộng và phát triển cảng biển, với diện tích lấn biển vùng cửa sông Dương Tử thuộc Thượng Hải là 400 km², cảng Thiên Tân thuộc vịnh Bột Hải với 365 km² và Đường Sơn (thành phố công nghiệp ven biển cấp tỉnh thuộc Hồ Bắc) với 275 km² [2]. Tuy nhiên, dự án lấn biển cũng gây ra một số tác động tiêu cực tới môi trường. Tại Trung Quốc, các nghiên cứu về trường hợp lấn biển ở Vịnh Lan Châu, sau 15 năm (từ 1987 đến 2002) có 49,1% vùng đất ngập nước tự nhiên bị giảm và chỉ số đa dạng cảnh quan giảm từ 2065 xuống còn 1915; thành phố Triết Giang đã lấn biển 1828 km² bãi triều đã làm cho tình trạng ngập lụt tăng lên 4 lần từ năm 1950 đến 2003; từ năm 1995, thành phố Thiên Tân đã không còn bờ biển tự nhiên do lấn biển quá nhiều [2]. Ở cảng Victoria của Hồng Kông, các công trình lấn biển làm mất cân bằng về quy

hoạch, thu hẹp khu cảng dẫn tới gây tắc nghẽn giao thông biển, phá vỡ cảnh quan, ô nhiễm môi trường...

Do vậy, Chính phủ Trung Quốc đã ban hành quy định về quản lý hoạt động lấn biển trong khuôn khổ quy định chung về quản lý hoạt động khai hoang, cải tạo đất vào năm 2011. Sau đó, tiếp tục ban hành Thông tri về các giải pháp thực hiện quy định này vào năm 2012 và đã được sửa đổi bổ sung vào năm 2019. Đặc biệt, Chính phủ Trung Quốc đã ban hành Thông tri về việc tăng cường bảo vệ các vùng đất ngập nước ven biển, kiểm soát chặt chẽ hoạt động lấn biển vào năm 2018. Theo đó, Trung Quốc nhấn mạnh việc quản lý, kiểm soát chặt chẽ hơn nữa hoạt động lấn biển nhằm duy trì cân bằng sinh thái, các giá trị, dịch vụ hệ sinh thái vùng đất ngập nước ven biển, tổng điều tra, đánh giá các dự án lấn biển và có chế tài xử lý, kể cả biện pháp dừng/ hủy việc thực hiện các dự án lấn biển; giao trách nhiệm quản lý cho Bộ Tài nguyên [1].

Hàn Quốc, từ sau thập niên 70, ngành công nghiệp lấn biển chính thức bắt đầu và trong hơn 40 năm qua, trên 40% diện tích vùng đất ngập nước nước lợ đã bị san lấp [3]. Tháng 4/2010, Hàn Quốc khánh thành công trình đê biển lớn nhất thế giới có chiều dài 33 km ở Saemangeum, thuộc tỉnh Jeolla, phía bắc Hàn Quốc. Công trình này đã giúp Hàn Quốc có thêm 401 km², tương đương với 2/3 diện tích thủ đô Seoul [7].

Tuy nhiên, theo các tổ chức bảo vệ môi trường, các dự án lấn biển tại Hàn Quốc đã gây thiệt hại cho môi trường sinh thái, đặc biệt là các khu vực ngập nước rộng lớn với tính đa dạng sinh học rất cao. Vùng đất bùn lầy là nơi trú ẩn của hàng trăm ngàn loài chim, còn các đầm nước là nơi sinh sống của khoảng 160 loài cá, các loài

cua và tảo biển. Các loài động vật đang bị đe dọa như chim Dẽ gà con, Ác là, Moòng biển Saunders, chim Choắt đốm... cũng sẽ mất đi một điểm dừng quan trọng trên tuyến đường di cư của mình. Bên cạnh đó, lượng bê tông khổng lồ dùng để xây dựng bờ sông cùng với 16 dự án đập nước trên 4 con sông này sẽ làm thay đổi dòng chảy và hủy diệt các loài thủy sinh trên các con sông [7].

Do vậy, để đảm bảo giảm thiểu tối đa tác động của lấn biển, việc xây dựng các kế hoạch tổng thể để lấn biển được quy định như sau: Bộ trưởng Bộ Đại dương và Thủy sản lập quy hoạch tổng thể cải tạo vùng nước công cộng 10 năm một lần, đảm bảo phù hợp với Quy hoạch không gian biển và Quy hoạch quản lý đô thị. Kế hoạch lấn biển cho từng vùng đất được xác định trước và được lập trong thời hạn 5 năm. Trong đó, phải thể hiện chi tiết các nội dung như: vị trí và diện tích đất lấn biển được xác định trước; mục đích lấn biển và kế hoạch sử dụng đất; các vấn đề về sự cần thiết của việc lấn biển và cách thức lấn biển; những thay đổi trong môi trường và hệ sinh thái; các biện pháp đối phó (thiệt hại, thay đổi trên đất liền và đất ngập nước nội địa; thay đổi dòng nước biển hoặc dòng thủy triều, chuyển động của đất và đá; ô nhiễm đất do chôn lấp đất và đá); so sánh tính khả thi về kinh tế trước và sau khi lấn biển [12].

Ngoài các quốc gia kể trên, trước tình trạng các công trình, hoạt động lấn biển gia tăng gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hệ sinh thái và môi trường biển, nhiều quốc gia trên thế giới cũng đã ban hành nhiều chính sách nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực: Singapore ban hành Luật Đường bờ (Foreshore Act) lần đầu tiên năm 1872 quy định về lấn biển và việc sử

dụng các vùng đất ngập nước và bãi bồi ven biển; các quốc đảo bị tác động lớn bởi biến đổi khí hậu như Tuvalu ban hành Luật Lấn biển và bãi bồi ven biển từ năm 1969; Bermuda ban hành Luật Lấn biển từ năm 1964; Nhật Bản ban hành Luật Lấn biển các vùng nước công...

3.2. Hiện trạng các dự án lấn biển tại Việt Nam

Việt Nam là nước có tính biển nhất trong số các nước Đông Nam Á (không kể các quốc gia quần đảo). Diện tích phần lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế trên biển khoảng 1.000.000 km², gấp 3 lần diện tích trên đất liền. Bờ biển Việt Nam từ Móng Cái đến Hà Tiên dài 3.260 km (đứng thứ 27 trong số 157 quốc gia ven biển, các quốc đảo và các lãnh thổ trên thế giới). Trong 63 tỉnh, thành phố của cả nước thì 28 tỉnh, thành phố có biển và gần một nửa dân số sinh sống tại các tỉnh, thành ven biển [4].

Việt Nam với lợi thế có nhiều khu vực biển ven bờ nông, nhiều bãi bồi, rất thuận lợi cho hoạt động lấn biển. Vì vậy, trong những năm gần đây, có nhiều dự án lấn biển quy mô lớn đã và đang được thực hiện. Theo số liệu thống kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường (năm 2020), cả nước có 71 khu lấn biển tại 19 tỉnh thành ven biển [2], tiêu biểu như Dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp - cảng biển - phi thuế quan Nam Đình Vũ (Hải Phòng) rộng 1.329 ha; Khu đô thị du lịch Hùng Thắng (Bãi Cháy - Quảng Ninh) rộng 224 ha; Khu đô thị mới Hạ Long Marina (Hạ Long - Quảng Ninh) rộng 230 ha; Khu đô thị quốc tế Đa Phước (Đà Nẵng) rộng 210 ha; Khu đô thị sinh thái biển Phương Trang New Town (Đà Nẵng) rộng 117 ha; Khu đô thị mới Rạch Giá (Kiên Giang) rộng 420 ha; Dự án Saigon Sunbay (Cần Giờ, TP.HCM) rộng 2.870 ha [2].

Nhiều dự án lấn biển phát triển đô thị đạt hiệu quả cao về kinh tế, xã hội, đảm bảo an toàn môi trường do quy hoạch được nghiên cứu kỹ, ranh giới lấn biển được xác định rõ (không ảnh hưởng tới các vùng cảnh quan liền kề), thực hiện quy hoạch nghiêm túc, hiệu quả. Việc lấn biển đã trở thành một hướng mở tích cực cho các đô thị, khu vực ven biển, khẳng định một hướng phát triển cần thiết cho tương lai. Đây không chỉ là giải pháp để mở rộng quỹ đất, phát triển kinh tế - xã hội mà còn là giải pháp để chủ động ứng phó với tình trạng xói lở bờ biển và nước biển dâng.

Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua, do chưa giải quyết tốt các yêu cầu về quy hoạch và đánh giá tác động môi trường nên một số dự án có hoạt động lấn biển đã gây tác động, ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường, hệ sinh thái, gây xói lở bờ biển; có dự án phải ngừng triển khai do chưa tính toán kỹ về kỹ thuật, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều dự án vấp phải sự phản đối của dư luận, các tổ chức và các nhà khoa học. Ngoài ra, nhiều khu vực lấn biển ban đầu chưa được nghiên cứu đánh giá kỹ lưỡng hay quy hoạch để phù hợp với chế độ thủy văn, hải văn, động lực biển, đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng bền vững các khu vực lấn biển và giảm thiểu tác động bất lợi đến môi trường [2].

Ví dụ, sau cơn bão số 9 năm 2009 gây thiệt hại nặng nề cho tuyến đường Nguyễn Tất Thành dọc vịnh Đà Nẵng, đã có nhiều ý kiến cho rằng việc lấn vịnh làm khu đô thị quốc tế Đa Phước khiến thiệt hại thêm nặng nề. Đà Nẵng thừa nhận khi mở đường Nguyễn Tất Thành đã không lưu ý đến cửa sông Phú Lộc. Vị trí dòng chảy đổ ra vịnh Đà Nẵng không cố định, việc nắn dòng đổ ra cầu Phú Lộc nên hàng năm đều bị bồi lấp. Đến nay Đà Nẵng đang phải chi hàng trăm tỉ đồng để

khắc phục hậu quả lấn biển của khu đô thị Đa Phước, The Sunrise Bay [13]. Tại Quảng Ninh, hiện có 43 dự án lấn biển với tổng số diện tích quy hoạch trên 7.600 ha, trong đó diện tích quy hoạch lấn biển khoảng trên 7.300 ha. Tại đảo Tuần Châu, vưon biển tới vài km, làm hẹp cửa ngõ Vịnh Hạ Long nối với tuyến đường biển ra vùng vịnh Cát Bà và Quảng Yên, ảnh hưởng tới dòng chảy của các con sông từ Cửa Lục đổ ra biển, gây bồi lắng và làm suy giảm chất lượng nước Vịnh Hạ Long. UNESCO cũng đã nhiều lần cảnh báo Vịnh Hạ Long trong việc bảo vệ di sản trước tác động của các dự án lấn biển [13].

Do đó, hoạt động lấn biển cần phải được xem xét, đánh giá kỹ lưỡng về điều kiện tự nhiên, địa hình; mức độ, tốc độ xói lở, bồi tụ bờ biển; quá trình, yếu tố động lực vùng bờ, dòng chảy; xu thế biến đổi bờ biển, địa hình đáy biển khu vực lấn biển; các vấn đề về tài nguyên và môi trường; các tác động đến bờ biển, đến dân sinh, kinh tế, môi trường; giải pháp phòng, chống xói lở, bồi tụ bờ biển quanh khu vực lấn biển.

3.3. Những tác động môi trường từ dự án lấn biển

Ngoài các mặt về lợi ích, các dự án lấn biển đã gây ra những ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, đất ngập nước, biến đổi dòng chảy ở các khu vực gần cửa sông, ven biển, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu hiện nay [5]. Có thể kể ra một số những tác động chính đến môi trường từ các dự án lấn biển như sau:

1) Gia tăng sức ép đối với hệ sinh thái và đa dạng sinh học biển

Khu vực lấn biển đều nằm trong vùng đất ngập nước ven biển. Đây là khu vực có mức độ đa dạng sinh học cao, có giá trị lớn đối với các hệ sinh thái biển nói chung (sinh cảnh của nhiều loài sinh vật

biển, điều hòa các quá trình tự nhiên và môi trường chuyển tiếp giữa biển và lục địa...).

Dải ven biển là một địa hệ tự nhiên kỹ thuật mang tính đa dạng, nhạy cảm cao và luôn biến đổi. Theo số liệu thống kê, vùng biển ven bờ Việt Nam có 11.000 loài sinh vật cư trú trong hơn 20 kiểu hệ sinh thái điển hình, thuộc về 6 vùng đa dạng sinh học biển khác nhau [4]. Các hoạt động khai thác, sử dụng không hợp lý vùng bờ từ Bắc vào Nam, dẫn tới sự suy thoái các hệ sinh thái ngày càng nghiêm trọng. Đặc biệt, nhiều công trình lấn biển xây dựng khách sạn, khu nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí... gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hệ sinh thái và ô nhiễm môi trường biển.

Ngoài ra, sau khi dự án lấn biển đi vào hoạt động, các khu vực này thường được sử dụng cho các mục đích phát triển kinh tế xã hội, gia tăng dân số... từ đó phát sinh ngày càng nhiều chất thải gây ô nhiễm vào môi trường (nước thải, chất thải sinh hoạt đối với các khu dân cư, đô thị, đặc biệt là chất thải nhựa ra đại dương; nước thải, chất thải rắn, khí thải đối với các hoạt động phát triển công nghiệp, cảng biển). Vì vậy, nếu không được tính toán và quy hoạch phù hợp thì đây sẽ là sức ép với môi trường vốn đã quá tải.

2) Làm thay đổi chế độ thủy động lực học môi trường cửa sông, ven biển

Hầu hết hoạt động lấn biển làm thay đổi hệ thống dòng chảy ven bờ ở quy mô vừa và như vậy sẽ làm ảnh hưởng đến quá trình trao đổi vật chất giữa khu vực lấn biển với các khu vực lân cận. Các hệ thống động lực khác như sóng do gió, dòng triều, mực nước cũng bị thay đổi theo.

Ở một số khu vực, ảnh hưởng của việc lấn biển đến khả năng thoát lũ, tình trạng xói lở, sạt lở bờ diễn biến phức tạp. Ví dụ, ở Trà Vinh khi

xây nhà máy nhiệt điện Duyên Hải thì cách đó 500 m cũng bị sụt lún; hay ở An Giang có những khu phố bị sạt lở xuống sông do khai thác cát, khai thác nước ngầm [11].

Việc lấn biển và tạo thành các khối bê tông chấn như vậy sẽ tạo thành các cơn sóng hình cầu xoáy kiểu hang ốc ngầm phía dưới mà con người không nhìn thấy được. Khi có các cơn sóng ngầm lâu ngày sẽ tạo ra những hàm ếch phía dưới và gây ra hiện tượng sụt lún ở vùng ven biển, thậm chí cả bên trong đất liền [11]. Bài học từ các dự án lấn biển ở Kiên Giang, Khánh Hòa, Quảng Ninh cho thấy, sau khi triển khai các dự án, các tỉnh này phải đối mặt với những vấn đề như sạt lở, hiện tượng nước biển đục... gây tác động lớn đến môi trường, cảnh quan. Vì vậy, khi triển khai các dự án lấn biển, cần đánh giá và thận trọng trước khi thực hiện, bởi hậu quả có thể chưa thấy ngay nhưng trong tương lai gần sẽ bị tác động rất lớn.

3) Những hệ lụy môi trường do khai thác và sử dụng vật liệu cho lấn biển

Hoạt động lấn biển phải dùng một lượng lớn nguyên vật liệu và những vật liệu lấn biển này làm thay đổi chất lượng môi trường nước, môi trường trầm tích khu vực lấn biển.

Việc sử dụng các loại vật liệu cho việc thi công lấn biển cũng cần phải được tính toán, xem xét cẩn trọng. Ví dụ như UAE cần tới 92 triệu m³ cát để xây dựng khu lấn biển Palm Jumeirah, trong đó chủ yếu là hút từ vùng biển lân cận lên. Công trình đã phá vỡ dòng chảy tự nhiên ngoài khơi, khiến cát bị cuốn khỏi một số khu vực của bãi biển tự nhiên đi nơi khác. Do vậy, các dự án lấn biển của Việt Nam cần phải có giải pháp để lấy nguyên liệu lấn biển rẻ, sẵn có và hiệu quả.

Dự án lấn biển tại Quảng Ninh, chủ đầu tư đã có kinh nghiệm từ việc sử dụng xỉ than khi lấn biển ở Cẩm Phả. Việc dùng loại nguyên liệu này không chỉ giải quyết được vấn đề xử lý xỉ than tại chỗ mà còn tận dụng được nguồn nguyên liệu giá rẻ, sẵn có của địa phương [6, 7].

Dự án lấn biển khu đô thị du lịch biển Cầm Giờ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (tháng 6/2020) với diện tích trên 2.870 ha (trong đó lấn biển 2.712 ha). Theo tính toán, dự án cần tới 134 triệu m³ cát; để giải quyết bài toán này, chủ đầu tư mời các nhà khoa học, cơ quan có liên quan để nghiên cứu, đưa ra đề xuất lấy vật liệu tại chỗ, bằng việc xây dựng một biển hồ lớn (nhân tạo) rộng khoảng 757 ha thuộc dự án. Qua thăm dò địa chất, nếu khai thác vật liệu tại chỗ (trong lòng hồ), thì tổng khối lượng cát khai thác dự kiến đáp ứng được phần lớn khối lượng cát cho san lấp [3].

4) Vấn đề xử lý vật liệu nạo vét từ công trình lấn biển

Trong quá trình lấn biển tại một số loại hình dự án cụ thể như xây dựng cảng biển, khu đô thị, xây kè chắn sóng, đê bao quanh diện tích lấn biển thì việc nạo vét, xử lý bùn, cát, trầm tích cũng như việc lựa chọn loại vật liệu để san lấp là những vấn đề cần được quản lý.

Năm 2019, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép cho Công ty cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất được nhận chìm vật chất nạo vét cảng chuyên dùng Hòa Phát - Dung Quất, khối lượng vật chất được nạo vét tại cảng gần 15,4 triệu m³, bao gồm 86,4% cát nhiễm mặn, 13,6% bùn sét (hơn 2 triệu mét khối); địa điểm khu vực nhận chìm rộng 180 ha thuộc vùng biển Dung Quất (tỉnh Quảng Ngãi); vật chất được tàu hút bưng xả đáy tự hành thả từ mặt biển xuống độ sâu hơn 50

m [14]. Tuy nhiên, theo phân tích, với khối lượng hơn 2 triệu m³, khi các tàu xả vật chất từ mặt biển xuống độ sâu hơn 50 m, quá trình rơi trong nước biển, với dao động của sóng, tác động của dòng hải lưu và nước từ cửa sông Trà Bồng đổ ra, gần như toàn bộ bùn sét sẽ hòa tan trong nước biển (giả sử chỉ ở tỷ lệ 5% trong nước, sẽ là 40 triệu m³ nước biển bị vẩn đục, ô nhiễm). Như vậy, không chỉ vùng biển Bình Sơn, mà cả Lý Sơn, rồi tiếp đó là các vùng biển phía nam Bình Sơn sẽ bị ô nhiễm, ảnh hưởng đến việc đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản ven bờ không chỉ Quảng Ngãi, mà cả Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa cũng có thể bị ảnh hưởng [14].

Trước đó, năm 2017, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã cấp phép cho Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân 1 nhận chìm gần một triệu mét khối bùn, cát, vỏ sò, sạn sỏi ra vùng biển thuộc xã Vĩnh Tân (Tuy Phong, Bình Thuận). Tuy nhiên, theo khuyến cáo của các nhà khoa học và tổ chức liên quan, hoạt động này có thể gây ra những tác động tiêu cực đến môi trường, hệ sinh thái biển [2]. Sau đó, để đảm bảo an toàn, phương án sử dụng vật chất nạo vét của Công ty để san lấp mặt bằng cho dự án Cảng tổng hợp Vĩnh Tân. Phương án này sẽ đảm bảo tiến độ cho phát điện, đáp ứng yêu cầu về an ninh năng lượng cho các tỉnh phía Nam, cũng như tránh các tranh chấp pháp lý có thể phát sinh. Ngoài ra, phương án trên còn đảm bảo về môi trường do khu vực dự kiến lấn biển (cảng tổng hợp Vĩnh Tân) đã được thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; xây kè kiên cố có thể tiếp nhận ngay một triệu mét khối vật chất nạo vét [11].

Như vậy, hoạt động lấn biển có thể sử dụng hiệu quả các vật chất nạo vét để phục vụ san lấp mặt bằng, giảm thiểu chi phí và giảm tác động

đến môi trường, hệ sinh thái biển so với lựa chọn phương án nhận chìm ở biển. Tuy nhiên, vấn đề nạo vét trong hoạt động lấn biển và phương án xử lý vật chất nạo vét này có đặc thù khác với các dự án nạo vét, duy tu luồng hàng hải cả về khối lượng, thời gian và phương án lựa chọn để xử lý vật chất nạo vét cũng như các yêu cầu kỹ thuật nếu vật chất nạo vét được sử dụng làm vật liệu san lấp tại khu vực lấn biển. Hiện nay, các quy định riêng, đặc biệt là các quy định mang tính kỹ thuật cho vấn đề này chưa có.

4. Kết luận và khuyến nghị

Nhu cầu phát triển các dự án lấn biển tại một số địa phương là tất yếu. Do vậy, cần thống nhất quan điểm lấn biển để phát triển đô thị và các dự án du lịch tại Việt Nam là nhu cầu có thật, do quỹ đất tại một số đô thị biển hạn chế, hoặc do phải dành quỹ đất để đảm bảo an ninh lương thực, an ninh quốc phòng...

Tuy nhiên, trong bối cảnh biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, dịch bệnh... nhiều bài học kinh nghiệm trên thế giới và thực tế thực hiện lấn biển tại Việt Nam cho thấy cần thận trọng, đánh giá kỹ các tác động đến tự nhiên và môi trường để có giải pháp phát triển các dự án lấn biển hiệu quả, hợp lý; cụ thể:

1) Mỗi dự án lấn biển đều cần phải tính toán kỹ lưỡng đến sự thành công về kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường

Quan tâm đến sự hài hòa về lợi ích giữa địa phương, nhà đầu tư và người dân. Các yêu cầu bắt buộc đối với các dự án lấn biển là xác định nhu cầu, sự cần thiết phải lấn biển.

Khi quy hoạch phải khảo sát địa hình, nghiên cứu dòng chảy, tác động môi trường, kinh tế, xã hội (đánh giá tác động môi trường) của dự án lấn biển và phải được sự đồng thuận của người dân...

2) Chú trọng vấn đề thủy động lực học, bảo vệ cảnh quan, môi trường và hệ sinh thái biển

Trong bất cứ hoàn cảnh hay điều kiện cụ thể nào cũng cần phải đặc biệt quan tâm khi phát triển các dự án lấn biển, cần lưu ý những tác động đến cảnh quan, môi trường sinh thái, đất ngập nước, biến đổi dòng chảy ở các khu vực gần cửa sông, đời sống của người dân ven biển, nhất là trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng hiện hữu rõ nét tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, cần kiểm kê, thống kê hiện trạng tài nguyên môi trường vùng ven bờ, hải đảo, lập các bản đồ về sinh vật và các hệ sinh thái ven bờ; dự báo biến động môi trường biển trong bối cảnh dài hạn có tính đến tác động của các kịch bản lấn biển.

Riêng các tỉnh, thành phố ven biển, cần sớm ban hành quy hoạch vùng bờ, hành lang biển, chương trình quản lý tổng hợp vùng bờ, đồng thời huy động xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường và phục hồi hệ sinh thái ven bờ của các cá nhân, tổ chức xã hội liên quan.

3) Thông tin dự án cần công khai, minh bạch

Các thông tin về dự án phải được công khai, minh bạch, phải được thanh kiểm tra thường xuyên, có sự giám sát của cộng đồng theo quy định của pháp luật. Đây cũng là bài học kinh nghiệm để các nhà hoạch định chính sách, nhà quy hoạch, kiến trúc, các chủ đầu tư nghiên cứu, xem xét trong quá trình phát triển các dự án lấn biển tại mỗi địa phương.

4) Hoàn thiện chính sách pháp luật quy định về hoạt động lấn biển

Nhà nước cần xây dựng các chính sách quy định về hoạt động, công trình lấn biển phục vụ phát triển kinh tế, có tính đến quy hoạch khai thác sử dụng đất, mặt nước và các tài nguyên

vùng bờ Việt Nam, quy hoạch môi trường và đa dạng sinh học; xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp theo Luật Biển Việt Nam; Luật Tài nguyên, môi trường biển, hải đảo; Luật

Bảo vệ môi trường; Luật Di sản; Luật Tài nguyên nước; Luật Đa dạng sinh học; Luật Thủy sản và các văn bản khác về chính sách môi trường, kinh tế xanh và phát triển bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2020), *Đánh giá sơ bộ một số nội dung đề nghị xây dựng Nghị định quy định về lấn biển*, Dự thảo Báo cáo chính sách, 2020.
2. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2020), *Đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến đề nghị xây dựng Nghị định quy định về lấn biển*, Dự thảo Báo cáo chính sách, 2020.
3. Công ty Cổ phần Du lịch Cần Giờ (2020), *Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án khu du lịch lấn biển Cần Giờ Sunbay*.
4. Dư Văn Toán (2017), *Hoạt động lấn biển và những tác động môi trường sinh thái ven bờ*, Bản tin chính sách, Trung tâm Pan Nature, số 25/2017.
5. Hà Thanh Biên (2017), *Phát triển kinh tế biển bền vững: Tiềm năng, thách thức và định hướng*, Bản tin chính sách, Trung tâm Pan Nature, số 25/2017.
6. Hà Văn Hòa (2015), *Quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường biển ven bờ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*, Luận án tiến sĩ, Học viện Hành chính quốc gia, 2015.
7. Hoàng Nhất Thống, Phùng Thị Phong Lan (2016), *Đổi mới tư duy quản lý nhà nước về biển và hải đảo trong bối cảnh hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Quản lý nhà nước về biển và hải đảo: vấn đề và cách tiếp cận”, Học viện Hành chính Quốc gia - Viện Kinh tế Việt Nam (Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam) - Viện Nghiên cứu công nghệ vùng Flander (Vương quốc Bỉ), Hà Nội - 2016.
8. Phạm Văn Hiếu (2020), *Đẹp giàu nhà lấn biển - kinh nghiệm trên thế giới và bài học cho Việt Nam*. Báo Quân đội nhân dân, tháng 7/2020.
9. Trương Thanh (2018), *Bài học kinh nghiệm quy hoạch từ Hà Lan*. Tạp chí Kiến trúc cảnh quan, số 07/2018.
10. Tập đoàn điện lực Việt Nam (2015), *Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4*.
11. Vũ Ngọc Long (2019), *Dự án lấn biển Vũng Tàu có nguy cơ hủy hoại môi trường*. Thời báo Kinh tế Sài Gòn, số 10/2019.
12. Kim In Hwan (2021), *Kinh nghiệm quản lý các dự án lấn biển của Hàn Quốc*, tham luận Hội thảo “Chia sẻ kinh nghiệm quốc tế trong quản lý hoạt động lấn biển”. Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2021.
13. Lưu Văn (2018), *Hiểm họa lớn từ các dự án lấn biển*, Diễn đàn Doanh nghiệp, 2018.
14. Thanh Tùng, Hoài Thương (2019), *Tìm giải pháp tối ưu thay thế nhận chìm nạo vét*, Báo Nhân dân điện tử, 2019.

Thông tin tác giả:

Nguyễn Song Tùng – Viện Địa lý nhân văn

Địa chỉ: Số 1 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Email: songtung1711@gmail.com - Điện thoại: +84.912.176.039

Nhật ký tòa soạn

Ngày nhận bài: 04/4/2021

Biên tập: 5/2021